

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 458/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Hữu Tâm;
2. Ông Nguyễn Quang Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 và Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2022 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tâm U, sinh năm: 1980 (có mặt);
Địa chỉ: D16/22B6/1 tổ 19, ấp 4, xã T, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Huyền T – Luật sư Công ty Luật hợp danh Nam Trí Việt thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Minh S, sinh năm: 1978 (có mặt);
Địa chỉ: Nhà không số tổ 19, ấp 4, xã B, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hồ Minh S sống chung với nhau từ năm 2004, do hai người tự tìm hiểu với nhau. Hai người có tổ chức đám cưới và

đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung, hai người chung sống rất hạnh phúc. Đến năm 2017, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Ông S thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình với bà, hay ghen tuông vô cớ. Mặc dù hai người vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Minh S.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 03 con chung tên Hồ Văn Vĩnh T, giới tính nam, sinh ngày 25/4/2005, Hồ Thị Vĩnh P, giới tính nữ, sinh ngày 13/9/2008 và Hồ Thị Vĩnh H, giới tính nữ, sinh ngày 10/10/2011. Khi ly hôn, bà U yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, cháu P, yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng, đối với cháu H thì bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng; bà U đồng ý giao cháu T cho ông S nuôi dưỡng, bà U sẽ cấp dưỡng cho con tùy vào khả năng;

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Hồ Minh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với lời trình bày của bà U về quá trình sống chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống với nhau. Ông xác định là ông không có thực hiện hành vi bạo lực gia đình với bà U. Do tình cảm vợ chồng giữa ông và bà U không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà U với điều kiện là bà U phải giải quyết dứt điểm về phần tài sản chung cho ông. Trường hợp bà U không giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng thì ông không đồng ý ly hôn với bà U.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 03 con chung tên Hồ Văn Vĩnh T, giới tính nam, sinh ngày 25/4/2005, Hồ Thị Vĩnh P, giới tính nữ, sinh ngày 13/9/2008 và Hồ Thị Vĩnh H, giới tính nữ, sinh ngày 10/10/2011. Ông đồng ý nuôi dưỡng cháu Hồ Văn Vĩnh T, không yêu cầu bà U cấp dưỡng nuôi con chung. Ông đồng ý giao cháu H, cháu P cho bà U nuôi dưỡng, ông chỉ cấp dưỡng cho cháu P mỗi tháng 1.500.000 đồng. Đối với cháu H thì ông không cấp dưỡng nuôi cháu vì ông đã nhận nuôi dưỡng cháu T, bà U cũng phải có trách nhiệm chung nuôi con.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống ông và bà U có các tài sản chung gồm có: 01 căn nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tổ 19 ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh; 01 căn xưởng sát bên nhà tổ 19 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hai vợ chồng; 01 lô đất tại ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 lô đất tại xã Điện Tiến, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Hồ Minh S (em ruột ông) và ông Hồ Minh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông có yêu cầu được chia đôi

phần tài sản chung trên, ông sẽ lấy giá trị tiền, đồng ý giao lại hiện vật là toàn bộ quyền sử dụng đất cho bà U. Ông xác định đã nhận được Thông báo của Tòa án về việc nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung. Tuy nhiên, ông chưa nộp đơn yêu cầu phản tố để yêu cầu Tòa án chia tài sản chung nêu trên. Vì vậy, trường hợp có phát sinh tranh chấp, ông sẽ nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

Về nợ chung: Vợ chồng có mượn mẹ ruột ông số tiền 70.000.000 đồng để mua đất năm 2015; mượn anh H (hàng xóm) số tiền 50.000.000 đồng vào năm 2021 để sửa chữa nhà. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông đã nhận được Thông báo của Tòa án về việc nộp đơn yêu cầu giải quyết nợ chung và cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến nợ chung. Tuy nhiên, ông chưa nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung và cũng không cung cấp cho Tòa án họ tên, địa chỉ của chủ nợ nên ông sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm U có Luật sư Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông S trong quá trình sống chung là có thật, vợ chồng không còn yêu thương, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà U và ông S mặc dù sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau, cả hai đã vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Mặt khác, tại Công văn số 4904/UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh đã xác định trong quá trình sống chung giữa bà U và ông S có rất nhiều mâu thuẫn với nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà U.

Về con chung: Do bà U và ông S đã thống nhất được về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề này theo ý kiến của đương sự.

Về tài sản chung: Bà U yêu cầu được tự thỏa thuận với ông S, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bị đơn ông S không nộp đơn yêu cầu, không giao nộp chứng cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về nợ chung: Bà U xác định không có nợ chung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Tâm U yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Hồ Minh S. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh xác định “*Đương sự Hồ Minh S, sinh năm 1978 không đăng ký thường trú, tạm trú nhưng thực tế cư trú tại địa chỉ Nhà không số tổ 19, ấp 4, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Như vậy, bị đơn có địa chỉ cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyền số 01 ngày 09/8/2004 do Ủy ban nhân dân xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tâm U và ông Hồ Minh S là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác định đời sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau, hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với nội dung Công văn số 4904/UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh đã xác nhận giữa bà Nguyễn Thị Tâm U và ông Hồ Minh S có mâu thuẫn với nhau do thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm với nhau. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân muốn có hạnh phúc thì phải bắt đầu từ tình cảm cả hai phía. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác*”. Do đó, bà U và ông S đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Cho nên, tình trạng hôn nhân giữa bà U và ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Tâm U là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung và nuôi dưỡng nuôi con: Bà U và ông S có 03 (ba) con chung tên Hồ Văn Vĩnh T, giới tính nam, sinh ngày 25/4/2005, Hồ Thị Vĩnh P, giới tính nữ, sinh ngày 13/9/2008 và Hồ Thị Vĩnh H, giới tính nữ, sinh ngày 10/10/2011. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và căn cứ nguyện vọng của các con chung: giao trẻ Hồ Thị Vĩnh P và Hồ Thị Vĩnh H cho bà Nguyễn Thị Tâm U nuôi dưỡng; giao trẻ Hồ Văn Vĩnh T cho ông Hồ Minh S nuôi dưỡng. Ông Hồ Minh S có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồ Thị Vĩnh P mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tâm U không yêu cầu ông Hồ Minh S cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Thị Vĩnh Hậu. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Minh S không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tâm U cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Văn Vĩnh Tâm.

Bà U và ông S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà U yêu cầu được tự thỏa thuận với ông S và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo cho ông S về việc nộp đơn yêu cầu chia tài chung và giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản chung nhưng ông S không thực hiện. Do đó, yêu cầu chia tài sản chung của ông S là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về nợ chung: Bà U xác định không có, còn ông S xác định có nợ chung nhưng ông S thực hiện việc nộp đơn yêu cầu giải quyết nợ chung, không cung cấp họ tên, địa chỉ của chủ nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về nợ chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3]. Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm U là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tâm U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Hồ Minh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm U đối với bị đơn ông Hồ Minh S về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tâm U được ly hôn với ông Hồ Minh S (bà U và ông S đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyền số 01 ngày 09/8/2004 do Ủy ban nhân dân xã xã Điện Tiến, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam).

1.2. Về con chung: Giao trẻ Hồ Thị Vĩnh P, giới tính nữ, sinh ngày 13/9/2008 và Hồ Thị Vĩnh H, giới tính nữ, sinh ngày 10/10/2011 cho bà Nguyễn Thị Tâm U nuôi dưỡng; giao trẻ Hồ Văn Vĩnh T, giới tính nam, sinh ngày 25/4/2005 cho ông Hồ Minh S nuôi dưỡng. Ông Hồ Minh S có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với trẻ Hồ Thị Vĩnh P mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà U có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông S chậm nộp tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tâm U không yêu cầu ông Hồ Minh S cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Thị Vĩnh H. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Minh S không yêu cầu bà Nguyễn Thị Tâm U cấp dưỡng nuôi trẻ Hồ Văn Vĩnh T.

Bà U và ông S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về tài sản chung: Bà U yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Sang và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đặt ra để giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Bà U xác định không có, ông S xác định có nợ chung nhưng không cung cấp cho Tòa án họ tên, địa chỉ của chủ nợ nên Tòa án không có cơ sở xem xét, giải quyết. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Tâm U phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0040165 ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà U đã nộp đủ án phí.

2.2. Ông Hồ Minh S phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự; (2)

- TAND TP.HCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- Cơ quan đăng ký kết hôn; (1)
- Lưu: VT, hồ sơ. (1)

Nguyễn Tấn Việt

